

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO HỌC NĂM HỌC 2022-2023

Stt	Tên khoa	Tên ngành	Mã ngành	Tên chuyên ngành	Học phí khối ngành
1	Cơ khí công nghệ	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Cơ khí CBBQ nông sản TP	V
			7510201	Cơ khí nông lâm	V
		Công nghệ kỹ thuật cơ điện	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	V
		Công nghệ kỹ thuật Ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	V
		Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	V
		CNKT năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ KT năng lượng tái	V
		KT điều khiển và tự động hóa	7520216	KT điều khiển và tự động hóa	V
2	Chăn nuôi Thú Y	Chăn nuôi	7620105	Công nghệ sản xuất động vật	V
			7620105	Công nghệ SX thức ăn chăn	V
		Thú y	7640101	Dược Thú Y	V
			7640101	Bác sĩ thú y	V
3	Kinh tế	Kinh tế	7310101	Kinh tế tài nguyên môi trường	VII
			7310101	Kinh tế nông nghiệp	VII
		Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh (tổng hợp)	III
			7340101	Quản trị tài chính	III
			7340101	Quản trị kinh doanh thương mại	III
		Kế toán	7340301	Kế toán	III
		Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	V
4	Lâm nghiệp	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	V
		Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Chế biến lâm sản	V
			7549001	Công nghệ gỗ - giấy	V
			7549001	Thiết kế đồ gỗ nội thất	V
		Lâm học	7620201	Lâm sinh	V
			7620201	Nông lâm kết hợp	V
		Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	V
5	Môi trường và Tài nguyên	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	V
		Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	IV
		Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	V
		Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	V
		CN rau hoa quả và cảnh quan	7620113	CN rau hoa quả và cảnh quan	V
		Quản lý TN và MT	7850101	Quản lý môi trường	VII
		Tài nguyên và du lịch sinh	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	VII
6	Nông học	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	VII
			7859007	Thiết kế cảnh quan	VII
7	Quản lý đất đai và Bất động sản	Nông học	7620109	Nông học	V
		Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	V
8	Khoa khoa học sinh học	Bất động sản	7340116	Bất động sản	III
		Quản lý đất đai	7850103	Công nghệ địa chính	VII
			7850103	Địa chính và quản lý đô thị	VII
			7850103	Quản lý đất đai	VII
9	Công nghệ Hóa học&TP	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	IV
			7420201	Công nghệ sinh học môi trường	IV
		Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	CNKT hóa TP và hệ thống	V
			7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa sinh	V
			7510401	CNKT CD sinh khối và tính chế	V
		Công nghệ thực phẩm	7540101	Bảo quản chế biến NSTP	V
			7540101	Bảo quản chế biến	V
			7540101	BQ chế biến NS và vi sinh TP	V

10	Thủy sản	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	V
		Nuôi trồng thủy sản	7620301	Kinh tế - Quản lý nuôi trồng TS	V
			7620301	Nuôi trồng thủy sản	V
			7620301	Ngư y (Bệnh học thủy sản)	V
11	Công nghệ thông	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	V
12	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ anh	7220201	Ngôn ngữ anh	VII
		Sư phạm kỹ thuật nông	7140215	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	I

Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. HUỲNH THANH HÙNG